

Số: 31/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí
đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ
sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội
đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 1256/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng
ký cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-HĐND ngày 27
tháng 6 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp
lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý cư trú trực tiếp thực hiện việc đăng ký cư trú của công dân, bao gồm: Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết là cơ quan đăng ký cư trú);
- Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định pháp luật về cư trú (sau đây viết là người nộp lệ phí đăng ký cư trú);
- Cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu | |
|-----|--|----------------|---------------------------------------|---|
| | | | Tại các phường thuộc thành phố Pleiku | Tại các xã thuộc thành phố Pleiku; các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã |
| 1 | Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người | đồng/lần | 20.000 | 10.000 |
| 2 | Đăng ký tạm trú theo danh sách | đồng/người/lần | 20.000 | 10.000 |
| 3 | Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú | đồng/lần | 8.000 | 4.000 |
| 4 | Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người | đồng/lần | 8.000 | 4.000 |
| 5 | Tách hộ | đồng/lần | 8.000 | 4.000 |
| 6 | Xác nhận thông tin về cư trú | đồng/lần | 8.000 | 4.000 |
| 7 | Gia hạn tạm trú theo danh sách | đồng/người/lần | 8.000 | 4.000 |

Điều 3. Đối tượng được miễn lệ phí đăng ký cư trú

- Trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Bố, mẹ, vợ (chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh; người hưởng chính sách như thương binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thuộc diện di dời, giải tỏa theo chủ trương của nhà nước.
- Công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú trong trường hợp thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc trường hợp có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký cư trú.

Điều 4. kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú

1. Người nộp lệ phí đăng ký cư trú thực hiện kê khai, nộp lệ phí đăng ký cư trú theo từng lần phát sinh.
2. Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm đúng quy định của pháp luật quản lý thuế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

